

Số: 2 620 /BCT-XNK*Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016*V/v cung cấp thông tin phục vụ
hoạt động của đại biểu Quốc hộiKính gửi: Văn phòng Quốc hội (Thư viện Quốc hội) ✓
(Địa chỉ: Nhà Quốc hội, đường Độc Lập, quận Ba Đình, Hà Nội)

Trả lời công văn số 93/TTKQH-TV ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Tổng Thư ký Quốc hội đề nghị Bộ Công Thương cung cấp các số liệu liên quan đến tình hình nhập khẩu hàng nông sản của nước ta trong thời gian qua theo yêu cầu của đại biểu Quốc hội, Bộ Công Thương xin cung cấp thông tin và số liệu cụ thể như sau:

Hiện nay, Việt Nam đang phải nhập khẩu từ nước ngoài một số loại lương thực để sử dụng làm nguyên liệu và chế biến thức ăn chăn nuôi như lúa mì, ngô, đậu tương... Theo số liệu thống kê do Tổng cục Hải quan công bố, năm 2015 Việt Nam nhập khẩu 7,63 triệu tấn ngô với kim ngạch 1,65 tỷ USD, tăng 60,2% về lượng và 35,9% về kim ngạch so với năm 2014; nhập khẩu 1,71 triệu tấn đậu tương với kim ngạch 764 triệu USD, tăng 12,3% về lượng nhưng giảm 12,5% về kim ngạch do giá nhập khẩu giảm; nhập khẩu 2,35 triệu tấn lúa mì với kim ngạch 603 triệu USD, tăng 13,3% về lượng nhưng cũng giảm 7,1% về kim ngạch do giá xuất khẩu giảm. Trong 2 tháng đầu năm 2016, nước ta đã nhập khẩu 1,26 triệu tấn ngô với kim ngạch 250,7 triệu USD, tăng 2,5% về lượng nhưng giảm 12,2% về kim ngạch so với cùng kỳ; nhập khẩu 196,1 nghìn tấn đậu tương với kim ngạch 79,6 triệu USD, giảm 20,3% về lượng và 34,7% về kim ngạch; nhập khẩu 703,5 nghìn tấn lúa mì với kim ngạch 159,7 triệu USD, tăng 139,5% về lượng và 96,5% về kim ngạch (chi tiết số liệu tại phụ lục kèm theo).

Về chính sách quản lý nhập khẩu hàng nông sản và lương thực, theo cam kết khi gia nhập WTO và trong các Hiệp định mậu dịch tự do (FTA), Việt Nam phải xóa bỏ các hàng rào phi thuế quan như giấy phép nhập khẩu, hạn chế định lượng và giảm thuế nhập khẩu các mặt hàng theo lộ trình. Theo quy định tại Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài, các mặt hàng nêu trên được phép nhập khẩu mà không cần xin giấy phép nhập khẩu của Bộ Công Thương.

Trên đây là thông tin về tình hình nhập khẩu một số mặt hàng lương thực như ngô, đậu tương, lúa mì trong năm 2015 và 2 tháng đầu năm 2016 cũng như cơ chế, chính sách quản lý nhập khẩu các mặt hàng này hiện nay. Bộ Công Thương xin gửi Thư viện Quốc hội để kịp thời cung cấp thông tin phục vụ hoạt động của đại biểu Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, XNK (2).

KT. BỘ TRƯỞNG
CỘNG HÒA VIỆT NAM

Trần Tuấn Anh

PHỤ LỤC

(Kèm theo công văn số 2 620 /BCT-XNK ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Bộ Công Thương)

SỐ LIỆU NHẬP KHẨU MỘT SỐ MẶT HÀNG LƯƠNG THỰC NĂM 2015 VÀ 2 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

Đơn vị tính: Số lượng 1.000 tấn; Giá: USD/tấn; Kim ngạch: Tr.USD

TT	Nhóm hàng	NK 2015			NK 2T/2015			NK 2T/2016			So sánh tăng/giảm (%)					
		Lượng	Giá	Kim ngạch	Lượng	Giá	Kim ngạch	Lượng	Giá	Kim ngạch	2015/2014			2T-16/2T-15		
											Lượng	Giá	Kim ngạch	Lượng	Giá	Kim ngạch
	KNNK cả nước			165,649			24,397			23,008			12.0			-5.7
1	Lúa mỳ	2,351	256	603	294	277	81	703	227	160	13.3	-18.0	-7.1	139.5	-18.0	96.5
	<i>Tỷ trọng trong NK cả nước</i>			<i>0.4</i>			<i>0.3</i>			<i>0.7</i>						
2	Ngô	7,630	217	1,652	1,234	231	285	1,265	198	251	60.2	-15.2	35.9	2.5	-14.3	-12.2
	<i>Tỷ trọng trong NK cả nước</i>			<i>1.0</i>			<i>1.2</i>			<i>1.1</i>						
3	Đậu tương	1,706	448	764	246	496	122	196	406	80	12.3	-22.1	-12.5	-20.3	-18.1	-34.7
	<i>Tỷ trọng trong NK cả nước</i>			<i>0.5</i>			<i>0.5</i>			<i>0.3</i>						